



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO

### Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN - chi NSDP năm 2015

Trước bối cảnh diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới, mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2015 dự báo chỉ đạt 3,3%, áp lực tăng giá của đồng USD và sự giảm mạnh của giá dầu thế giới ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện nhiệm vụ dự toán ngân sách năm 2015 của cả nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp đạt mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đã có chuyển biến tốt. Kết quả thu NSNN - chi NSDP năm 2015 như sau:

#### **A. THU NSNN, CHI NSDP NĂM 2015**

##### **I. Kết quả thu NSNN trên địa bàn**

Dự toán thu NSNN năm 2015 là: 7.003.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 10.900.000 triệu đồng, bằng 156% dự toán và bằng 127% so với cùng kỳ.

##### **1. Các khoản thu từ hoạt động Xuất nhập khẩu**

Dự toán giao 490.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 1.400.000 triệu đồng, bằng 286% dự toán; *tăng thu chủ yếu do thuế GTGT máy móc nhập khẩu thuộc dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn.*

##### **2. Thu nội địa**

Dự toán thu 2015 là 6.513.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 9.500.000 triệu đồng, bằng 146% dự toán. Phần điều tiết ngân sách tỉnh sau khi loại trừ ghi thu - ghi chi thì số thực thu vào ngân sách là 5.184.655 triệu đồng, tăng thu 885 tỷ và đạt 120% dự toán.

##### **a) Thu tiền sử dụng đất**

Dự toán thu 2015 là 1.000.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 2.450.000 triệu đồng, bằng 245% dự toán.

Nguyên nhân thu lĩnh vực này tăng cao so với dự toán năm chủ yếu là do các huyện đã tích cực khai thác quỹ đất để xử lý nợ đọng XDCB và chi đầu tư

phát triển. Bên cạnh đó, ghi thu tiền thuê đất, ghi chi tiền bồi thường GPMB của các dự án phát sinh trong năm 2014 còn tồn đọng được đôn đốc thực hiện trong năm 2015. Phần điều tiết ngân sách tỉnh sau khi loại trừ ghi thu - ghi chi thì số thực thu vào ngân sách là 50.224 triệu đồng, đạt 31% dự toán.

**b) Thu nội địa, trừ tiền sử dụng đất**

Dự toán giao thu 5.513.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 7.050.000 triệu đồng, bằng 128% dự toán.

*Dự kiến 12/12 lĩnh vực đều hoàn thành và vượt dự toán năm, trong đó một số lĩnh vực thu tăng cao là:*

- Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện cả năm là 445.000 triệu đồng, bằng 297% dự toán (thu tăng cao là do sát nhập 2 doanh nghiệp Pvoil với Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư Pertec nên số thuế BVMT tăng do lượng tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn tăng.

- Thuế thu nhập cá nhân: Ước cả năm là 540.000 triệu đồng, bằng 216% dự toán (thu tăng cao do thay đổi phương pháp tính thuế theo hướng dẫn tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014; thuế TNCN các chuyên gia nước ngoài làm việc tại KKT nghi Sơn đạt khá như tổ hợp nhà thầu JGCS, nhà thầu Chosuk-Oikos, Công ty TNHH lọc Hóa dầu Nghi Sơn...)

- Thuế Công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: Ước cả năm là 1.180.000 triệu đồng, bằng 115% dự toán (thu tăng cao do tăng số lượng người nộp thuế kê khai và nộp thuế hàng quý theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ; chi nhánh HTX Đức Đạt (Hà Trung) bán nhà xưởng kèm theo TSCĐ nên đã kê khai và nộp thuế GTGT 25 tỷ đồng...).

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện cả năm là 200.000 triệu đồng, bằng 500% dự toán, (thu tăng cao do Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Thanh Hóa nộp tiền thuê đất 1 lần cho 43 năm khu văn phòng là 20 tỷ đồng, thu tiền thuê đất nộp 1 lần của Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Quảng Xương là 9 tỷ đồng, UBND huyện Hậu Lộc cho 20 hộ thuê đất trả tiền 1 lần cho 50 năm là 7,9 tỷ đồng).

- Lệ phí trước bạ: Ước cả năm là 465.000 triệu đồng, bằng 143% dự toán.

- Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước cả năm là 2.000.000 triệu đồng, bằng 118% so với dự toán. Một số đơn vị có số thu lớn như Công ty TNHH đường mía Việt Nam – Đài Loan.

- Thu từ DNNN Trung ương: Trên tinh thần hợp tác tích cực sau các cuộc làm việc giữa UBND tỉnh với các tổng công ty, từ nay đến cuối năm dự báo thu cả năm là 1.450.000 triệu đồng, bằng 101% dự toán.

*(Có biểu chi tiết thu NSNN số 01 kèm theo)*

### **3. Tình hình thu ngân sách ở các huyện**

Tổng thu khối huyện ước thực hiện 4.227.044 triệu đồng, bằng 174% DT năm. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất đạt 1.777.044 triệu đồng, bằng 124% dự toán. Có 27/27 huyện hoàn thành và vượt với dự toán năm, điển hình là: Hoàng Hóa (290%), Nông Công (267%), Vĩnh Lộc (260%), Triệu Sơn (254%), Hà Trung (250%), Quảng Xương (247%), Thọ Xuân (228%), Triệu Sơn (273%), Lang Chánh (208%)...

*(Chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo)*

## **II. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách**

### **1. Nguyên nhân ảnh hưởng tích cực đến thu NSNN**

#### ***Nhóm cơ chế, kinh tế***

*Một là*, Công tác thu NSNN được cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm chỉ đạo, kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; nhiều dự án lớn đã đi vào hoạt động phục vụ Năm du lịch Quốc gia năm 2015 cũng như khí thế thi đua sôi nổi lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp tạo tiền đề tăng trưởng kinh tế, có những tác động tích cực đến nguồn thu, các lĩnh vực thu tăng cao so với cùng kỳ.

*Hai là*, kết quả công tác vận động, xúc tiến đầu tư, huy động vốn cho đầu tư phát triển tiếp tục được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm theo Nghị quyết số 02 – NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tác động tích cực đến môi trường, tạo điều kiện và động lực để phát triển sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm 2015 trên địa bàn tỉnh.

*Ba là*, một số lĩnh vực có số thu đột biến tác động khá đến kết quả thu NSNN trong kỳ như: Chuyển nhượng doanh nghiệp; một số đơn vị nộp tiền thuê đất một lần cho nhiều năm; tiền thuê đất, tiền sử dụng đất nộp khá do được bù trừ ghi thu ghi chi vào tiền đền bù GPMB được UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung và khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc; kinh tế - xã hội và đầu tư trên địa bàn có bước phát triển cùng với triển khai năm du lịch Quốc gia tại Thanh Hóa đã thúc đẩy việc mua sắm phương tiện vận tải phục vụ du khách trên địa bàn nên thu lệ phí trước bạ đạt khá so với dự toán giao và so với cùng kỳ năm trước.

#### ***Nhóm chính sách***

*Một là*, thay đổi phương pháp tính TNCN đối với cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội khóa XIII sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 dẫn đến tăng trưởng cả về số thuế phải nộp và số

lượng hộ kinh doanh phát sinh phải nộp thuế khoán, ước cả năm tăng thu 17.156 triệu đồng.

*Hai là*, Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH 13 ngày 10/3/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2015, điều chỉnh mức thu thuế Bảo vệ môi trường đối với một số mặt hàng xăng dầu. Việc tăng thuế suất các mặt hàng này góp phần làm tăng thu ngân sách một cách đáng kể

## **2. Các nguyên nhân tác động làm giảm thu ngân sách**

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, quy mô doanh nghiệp có vốn từ 50 tỷ đồng trở lên chỉ chiếm khoảng 3,7%, thấp hơn các tỉnh trong khu vực, năng lực tài chính và quản trị kinh doanh yếu, khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế khó khăn, nhất là trong bối cảnh tự do hóa thương mại hiện nay, làm giảm khả năng cạnh tranh của các sản phẩm và ngành hàng trong tỉnh.

- Nhiều dự án có sử dụng đất quy mô lớn, nhu cầu vốn lớn, nhà đầu tư chưa triển khai. Các dự án đấu thầu có sử dụng đất đã được phê duyệt lựa chọn nhà thầu đầu tư do phải bỏ kinh phí GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng lớn, một số dự án điều chỉnh lại quy hoạch, nhiều nhà đầu tư năng lực và khả năng tài chính còn hạn chế nên chưa thu được tiền sử dụng đất.

- Một số văn bản pháp luật của Trung ương bắt đầu có hiệu lực thi hành từ 1/1/2015 đã ảnh hưởng tới việc thu Ngân sách nhà nước như: Bổ sung các mặt hàng không chịu thuế GTGT như phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác. Dự kiến ảnh hưởng giảm thu ngân sách cả năm là 23.428 triệu đồng....

- Thông tư số 26/2015/TT-BTC bổ sung quy định thuế lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu thì khi xuất khẩu không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

## **II. Về chi NSDP**

### **1. Tình hình thực hiện**

Dự toán giao đầu năm 2015: 20.316.640 triệu đồng, ước thực hiện đạt 22.294.755 triệu đồng, bằng 110% so với dự toán giao đầu năm, tăng 10% so với dự toán đầu năm do thực hiện các chính sách chế độ mới và thực hiện các nhiệm vụ chi năm 2014 chuyển sang: chính sách miễn thủy lợi phí; chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; hỗ trợ hộ nghèo tiền điện; chính sách hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi...

Chi tiết từng lĩnh vực như sau:

1.1. Chi đầu tư XDCB: Ước thực hiện cả năm là 3.075.260 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao đầu năm.

1.2. Chi chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ TW bổ sung ước thực hiện cả năm là 1.122.906 triệu đồng, đạt 100% dự toán giao đầu năm.

1.3. Chi thường xuyên: Ước thực hiện cả năm là 17.196.406 triệu đồng, đạt 109% so với dự toán đầu năm.

1.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3.230 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

1.5. Chi dự phòng ngân sách: 350.532 triệu đồng, đạt 98% so với dự toán.

*(Có biểu chi tiết số 03 kèm theo)*

## **2. Một số kết quả đạt được về chi ngân sách năm 2015**

Chi ngân sách năm 2015 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao và thực hiện nghiêm túc theo Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách Nhà nước năm 2015.

### **2.1. Tình hình chi đầu tư XDCB**

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư XDCB đạt kết quả khá so với kế hoạch và cùng kỳ: Giá trị giải ngân vốn XDCB, vốn TPCP năm 2015 dự kiến đạt 3.770 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch (do theo Quy định của Luật Đầu tư công, được phép giải ngân đến 31/12/2016). Việc phân bổ vốn đầu tư đã gắn với thực hiện Chỉ thị 1792/CT của Chính phủ, tập trung thanh toán nợ đọng XDCB nhằm khắc phục tình trạng nợ XDCB kéo dài và ưu tiên bố trí cho các dự án chuyên tiếp.

- Tăng cường huy động vốn cho đầu tư phát triển: Vay KBNN 200 tỷ đồng, vay NH phát triển 275 tỷ đồng để thực hiện GPMB và đẩy nhanh tiến độ thực hiện cho các dự án: dự án đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa; dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 517 từ Cầu Trầu đến Nưa; dự án hệ thống cấp nước tưới huyện Tĩnh Gia, Đại lộ Nam Sông Mã... và cho các huyện vay lại để thực hiện các dự án.

- Kế hoạch vốn chương trình mục tiêu, vốn trái phiếu chính phủ đã được giao cho các ngành, đơn vị, chủ đầu tư, tạo sự chủ động và khẩn trương triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn trong năm 2015. Năm 2015 là năm tổng kết, đánh giá các chương trình MTQG, chương trình mục tiêu địa phương giai đoạn 2011-2015 để thực hiện cắt giảm, thu gọn các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020, do đó các Chương trình mục tiêu được theo dõi, đánh giá một cách sát sao. Ước thực hiện chương trình MTQG năm 2015 là 702 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn năm 2015. Nguồn trái phiếu Chính phủ đã được phân bổ để xây dựng mới và thanh toán khối lượng hoàn thành công trình cho các xã xây dựng nông thôn mới với tổng số tiền là 231 tỷ đồng; hỗ trợ 255 xã mua xi măng là: 89 tỷ đồng.

- Chủ động rà soát các nguồn vốn không có khả năng thực hiện hết trong năm để bổ sung vốn cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, vốn đối ứng cho các

dự án ODA, vốn đối ứng các dự án Trung ương hỗ trợ đầu tư đã hết hạn mức hỗ trợ để giảm nợ XDCB trên địa bàn.

## **2.2. Tình hình chi thường xuyên**

- Tích cực triển khai các chính sách phát triển kinh tế, chương trình mục tiêu địa phương nhằm thúc đẩy sản xuất, đạt được mục tiêu phát huy hiệu quả cao nhất nguồn vốn NSNN, đưa dòng tiền vào lưu thông sản xuất, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội. Ngoài ra, các nhiệm vụ lớn trong năm 2015 như: Đại hội Đảng, Năm Du lịch Quốc gia cũng được chủ động bố trí nguồn vốn ngay từ đầu năm.

- Tập trung đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo: Các chính sách đảm bảo ASXH ngay từ đầu năm đã được tập trung huy động nguồn lực tối đa và bố trí đủ nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán, góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn, thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Năm 2015 đã thực hiện mua đầy đủ thẻ BHYT cho 1.754.156 đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các nhóm đối tượng khác với kinh phí 1.059 tỷ đồng, kinh phí bảo trợ XH cho 189.994 đối tượng với kinh phí 643 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo vùng ĐBKK cho 220.286 khẩu với kinh phí 20 tỷ đồng, kinh phí tặng quà người có công với Cách mạng nhân dịp tết Ất Mùi cho 103.683 đối tượng với kinh phí 21 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ tiền điện cho 183.704 hộ nghèo, hộ chính sách là 65 tỷ đồng;....

**2.3. Sử dụng dự phòng ngân sách** chặt chẽ, đúng qui định, bám sát chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015, các nội dung chi bao gồm: phòng chống dịch, hỗ trợ rủi ro thiên tai, phòng chống hạn, cháy rừng, bão lụt....

### ***Bên cạnh đó, điều hành ngân sách còn một số tồn tại, bất cập:***

*Một là*, một số chính sách kinh tế giao dự toán nhưng không đủ điều kiện hỗ trợ như: Chính sách phát triển chợ, trung tâm thương mại; chính sách phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề; chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp...Do đó, đã huy động nguồn để sắp xếp nhiệm vụ chi.

*Hai là*, nợ đọng XDCB các công trình còn lớn. Tổng số nợ đọng XDCB còn phải xử lý đến ngày 01/01/2015 là 4.407 tỷ đồng, số đã bố trí trả nợ đến 31/10/2015 là 1.533 tỷ đồng, số nợ còn phải xử lý là 2.874 tỷ đồng, trong đó: vốn cân đối ngân sách tỉnh là 294 tỷ đồng, vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu là 606 tỷ đồng, vốn TPCP là 207 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện, xã là 1.766 tỷ đồng.

*Ba là*, vốn trái phiếu chính phủ cho chương trình nông thôn mới giải ngân chậm, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh. Nguyên nhân là do phải giải ngân trực tiếp đến từng dự án. Vì vậy, đề nghị khi phân bổ dự toán năm

2016, cơ quan chủ trì là Văn phòng điều phối cần yêu cầu đơn vị lập dự toán chi tiết, đặc biệt là dự án hỗ trợ mua xi măng.

*Bốn là*, năm 2015 định mức chi thường xuyên vẫn giữ ổn định như đầu thời kỳ, trong khi các khoản chi: thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, chi cho vật tư văn phòng, chi điện, nước, xăng dầu, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn... tăng lên hàng năm. Do đó, chi tiêu ở các đơn vị rất hạn hẹp. Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo ở một số đơn vị có tỷ lệ nghiệp vụ đạt thấp do giáo viên thừa so với biên chế giao.

*Đánh giá chung: Hoạt động tài chính - ngân sách năm 2015 đã góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, góp phần ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước các cấp; thực hiện tốt các chính sách của Trung ương và địa phương ban hành./.*

**UBND TỈNH THANH HÓA**

## BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN TỈNH THANH HOÁ NĂM 2015

(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP năm 2015)

TT	Nội dung	DT thu 2015		Phân chia				Ước thực hiện thu năm 2015					Tăng (+), giảm (-) so với DT			So sánh	
		TW giao	Tỉnh giao	NSTW	NSDP	Điều tiết		Tổng số	Phân chia				Tổng số	Trong đó		ƯTH/D T TU giao	ƯTH/D T tỉnh giao
						Tỉnh	H, X		NSTW	NSDP	Phân chia			NS cấp tỉnh	NS cấp H, X		
											NS cấp tỉnh	NS cấp H, X					
	<b>Tổng thu NSNN (A+B)</b>	<b>7.003.000</b>	<b>7.003.000</b>	<b>594.820</b>	<b>6.408.180</b>	<b>4.299.138</b>	<b>2.109.042</b>	<b>10.900.000</b>	<b>1.559.891</b>	<b>9.340.109</b>	<b>5.615.310</b>	<b>3.724.799</b>	<b>3.897.000</b>	<b>1.316.172</b>	<b>1.615.757</b>	<b>156%</b>	<b>156%</b>
A	<b>Thu nội địa (I+II)</b>	<b>6.513.000</b>	<b>6.513.000</b>	<b>104.820</b>	<b>6.408.180</b>	<b>4.299.138</b>	<b>2.109.042</b>	<b>9.500.000</b>	<b>159.891</b>	<b>9.340.109</b>	<b>5.615.310</b>	<b>3.724.799</b>	<b>2.987.000</b>	<b>1.316.172</b>	<b>1.615.757</b>	<b>146%</b>	<b>146%</b>
I	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>		<b>1.000.000</b>	<b>160.000</b>	<b>840.000</b>	<b>2.450.000</b>		<b>2.450.000</b>	<b>480.879</b>	<b>1.969.121</b>	<b>1.450.000</b>	<b>320.879</b>	<b>1.129.121</b>	<b>245%</b>	<b>245%</b>
Tđó	Ghi thu ghi chi tiền SDD									430.655	430.655			430.655			
II	<b>Thu N.địa đã trừ TSD đất</b>	<b>5.513.000</b>	<b>5.513.000</b>	<b>104.820</b>	<b>5.408.180</b>	<b>4.139.138</b>	<b>1.269.042</b>	<b>7.050.000</b>	<b>159.891</b>	<b>6.890.109</b>	<b>5.134.431</b>	<b>1.755.678</b>	<b>1.537.000</b>	<b>995.293</b>	<b>486.636</b>	<b>128%</b>	<b>128%</b>
1	Thu từ DN nhà nước TW	1.440.000	1.440.000	4.280	1.435.720	1.385.000	50.720	1.450.000	4.280	1.445.720	1.394.479	51.241	10.000	9.479	521	101%	101%
2	Thu từ DN nhà nước ĐP	160.000	160.000		160.000	155.220	4.780	165.000		165.000	160.071	4.929	5.000	4.851	149	103%	103%
3	Thu từ DN có vốn ĐT N.ngoài	1.693.000	1.693.000	2.540	1.690.460	1.687.220	3.240	2.000.000	2.540	1.997.460	1.984.503	12.957	307.000	297.283	9.717	118%	118%
4	Thu thuế CTN&DV NQD	1.030.000	1.030.000		1.030.000	439.229	590.771	1.180.000		1.180.000	482.039	697.961	150.000	42.810	107.190	115%	115%
5	Thuế thu nhập cá nhân	250.000	250.000		250.000	173.000	77.000	540.000		540.000	412.540	127.460	290.000	239.540	50.460	216%	216%
6	Thuế SD đất phi NN	40.000	40.000		40.000	2.567	37.433	50.000		50.000	2.673	47.327	10.000	106	9.894	125%	125%
7	Tiền thuê mặt đất mặt nước	40.000	40.000		40.000	16.000	24.000	200.000		200.000	79.203	120.797	160.000	63.203	96.797	500%	500%
8	Lệ phí trước bạ	325.000	325.000		325.000	50.800	274.200	465.000		465.000	71.143	393.857	140.000	20.343	119.657	143%	143%
9	Thu phí, lệ phí	90.000	90.000	31.500	58.500	5.530	52.970	105.000	31.500	73.500	17.307	56.193	15.000	11.777	3.223	117%	117%
10	Thu khác NS	175.000	175.000	66.500	108.500	74.572	33.928	310.000	121.332	188.668	85.712	102.956	135.000	11.140	69.028	177%	177%
11	Thu tại xã	120.000	120.000		120.000		120.000	140.000		140.000		140.000	20.000		20.000	117%	117%
12	Thuế bảo vệ môi trường	150.000	150.000		150.000	150.000		445.000	239	444.761	444.761		295.000	294.761		297%	297%
B	<b>Thu từ hoạt động XN khẩu</b>	<b>490.000</b>	<b>490.000</b>	<b>490.000</b>				<b>1.400.000</b>	<b>1.400.000</b>				<b>910.000</b>			<b>286%</b>	<b>286%</b>
1	Thuế XNK, TTĐB hàng NK, BVMT hàng NK	180.000	180.000	180.000				550.000	550.000				370.000			306%	306%
2	Thuế VAT hàng nhập khẩu	310.000	310.000	310.000				850.000	850.000				540.000			274%	274%



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NSDP NĂM 2015 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước								SS ước TH/DT(%)		Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	Trong đó			Ước thực hiện	Trong đó			Tổng thu NSNN	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDD	Dự toán NSHX tính giao	Thực hiện	SS ước TH/DT (%)
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10	11	12	13
	<b>Tổng số</b>	<b>2.423.682</b>	<b>995.000</b>	<b>1.308.682</b>	<b>120.000</b>	<b>4.227.044</b>	<b>2.450.000</b>	<b>1.637.044</b>	<b>140.000</b>	<b>174%</b>	<b>124%</b>	<b>11.022.879</b>	<b>13.810.106</b>	<b>125%</b>
1	TP.Thanh Hóa	1.003.183	510.000	484.183	9.000	1.608.845	1.078.664	513.931	16.250	160%	108%	1.114.058	1.547.111	139%
2	TX. Sầm Sơn	88.527	40.000	47.527	1.000	87.259	24.141	57.268	5.850	99%	130%	188.091	211.667	113%
3	TX, Bim Sơn	120.770	15.000	103.270	2.500	159.093	25.369	122.024	11.700	132%	126%	167.406	200.556	120%
4	H. Hà Trung	58.056	21.600	29.456	7.000	145.386	69.131	70.080	6.175	250%	209%	330.183	422.778	128%
5	H. Nga Sơn	99.319	50.000	43.819	5.500	159.206	107.112	46.569	5.525	160%	106%	399.728	534.044	134%
6	H. Hậu Lộc	58.266	30.000	23.266	5.000	112.654	71.701	37.456	3.497	193%	145%	440.641	578.178	131%
7	H. Hoằng Hóa	88.604	35.000	42.604	11.000	256.589	191.101	56.688	8.800	290%	122%	580.235	711.578	123%
8	Quảng Xương	102.340	50.000	46.840	5.500	252.596	183.869	66.075	2.652	247%	131%	568.103	620.600	109%
9	H. Tĩnh Gia	124.746	45.000	74.246	5.500	232.570	122.045	106.300	4.225	186%	139%	619.951	739.417	119%
10	Nông Cống	47.540	15.000	27.040	5.500	127.052	81.939	36.339	8.775	267%	139%	406.473	501.000	123%
11	H.Đông Sơn	55.567	25.000	27.067	3.500	105.744	75.708	29.256	780	190%	98%	238.919	300.600	126%
12	H. Triệu Sơn	46.950	10.000	30.450	6.500	119.282	50.677	59.180	9.425	254%	186%	465.460	622.556	134%
13	H Thọ Xuân	79.482	25.000	41.482	13.000	180.981	89.019	69.229	22.733	228%	169%	566.181	756.111	134%
14	H. Yên Định	90.085	30.000	46.585	13.500	162.913	93.481	62.801	6.630	181%	116%	422.243	500.800	119%
15	H. Thiệu Hóa	70.635	35.000	28.635	7.000	93.680	51.119	37.036	5.525	133%	119%	377.174	431.040	114%
16	H. Vĩnh Lộc	26.626	10.000	13.626	3.000	69.227	46.137	22.147	943	260%	139%	267.112	312.500	117%
17	Thạch Thành	35.802	10.000	20.802	5.000	60.521	25.165	32.105	3.250	169%	137%	448.179	530.400	118%
18	H. Cẩm Thủy	33.599	10.000	18.599	5.000	52.478	20.144	23.819	8.515	156%	137%	343.916	396.000	115%
19	H.Ngọc Lặc	39.044	10.000	26.044	3.000	47.835	17.127	27.133	3.575	123%	106%	461.572	623.333	135%
20	H.Lang Chánh	6.858		6.828	30	14.295	2.143	12.103	50	208%	177%	375.535	498.980	133%
21	H. Bá Thước	20.920	2.000	18.420	500	28.192	5.636	22.231	325	135%	119%	249.739	334.489	134%
22	H. Quan Hóa	12.752		12.702	50	12.110	13	12.047	50	95%	95%	441.979	578.933	131%
23	Thường Xuân	37.451	3.000	34.401	50	49.409	6.996	42.363	50	132%	123%	290.145	337.600	116%
24	H. Như Xuân	25.947	3.000	22.447	500	29.376	2.484	25.917	975	113%	117%	431.871	497.640	115%
25	H. Như Thanh	32.495	10.000	21.495	1.000	27.980	7.768	18.587	1.625	86%	90%	335.454	401.156	120%
26	H. Mường Lát	6.620		6.590	30	9.523	1.043	8.431	50	144%	128%	213.203	290.000	136%
27	H. Quan Sơn	11.498	400	10.258	840	22.248	267	19.931	2.051	193%	198%	279.328	331.040	119%

## BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN TỈNH THANH HOÁ NĂM 2015

(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP năm 2015)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng nguồn năm 2015	Dự toán			Ước thực hiện năm 2015	So sánh	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Nguồn 2014 ch.sang		UTH/DT đầu năm	UTH/tổng nguồn
	<b>Tổng chi NSDP</b>	<b>23.336.713</b>	<b>20.306.640</b>	<b>1.346.875</b>	<b>1.683.198</b>	<b>22.294.755</b>	<b>110%</b>	<b>96%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.075.260</b>	<b>3.075.260</b>			<b>3.075.260</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>1</b>	<b>Chi XDCB từ nguồn cân đối NSDP</b>	<b>1.559.600</b>	<b>1.559.600</b>			<b>1.559.600</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
a	Chi ĐTXDCB tập trung (vốn trong nước)	501.000	501.000			501.000	100%	100%
b	Chi ĐT từ nguồn cấp quyền sử dụng đất	1.000.000	1.000.000			1.000.000	100%	100%
-	Chi ĐTXDCB	840.000	840.000			840.000	100%	100%
-	Chi bổ sung quỹ phát triển đất	70.000	70.000			70.000		
-	Trả nợ NHPT	90.000	90.000				0%	0%
c	Chi trả nợ NHPT từ nguồn thu nợ cấp huyện	58.600	58.600			58.600	100%	100%
<b>2</b>	<b>Chi hỗ trợ các DN cung cấp SP công ích</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>			<b>5.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>3</b>	<b>Vốn đầu tư TW bổ sung có mục tiêu</b>	<b>1.510.660</b>	<b>1.510.660</b>			<b>1.510.660</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>II</b>	<b>Chi Thường xuyên</b>	<b>17.414.164</b>	<b>15.749.478</b>	<b>1.346.875</b>	<b>317.811</b>	<b>17.196.406</b>	<b>109%</b>	<b>99%</b>
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	1.744.591	1.519.865	215.911	8.815	1.744.591	115%	100%
2	Sự nghiệp môi trường	288.373	288.373			288.373	100%	100%
3	Chi SN Giáo dục - Đào tạo dạy nghề	7.529.787	7.278.354	5.010	246.423	7.529.787	103%	100%
4	Chi SN Y Tế	1.723.283	1.524.158	152.863	46.262	1.723.283	113%	100%
5	SN KH công nghệ	45.960	45.960			45.960	100%	100%
6	Chi SN VH TT	192.176	192.176			192.176	100%	100%
7	Chi SN thể dục thể thao	68.915	68.915			68.915	100%	100%
8	Chi SN phát thanh TH	63.429	63.429			63.429	100%	100%
9	Chi SN đảm bảo XH	1.814.650	899.947	901.720	12.983	1.596.892	177%	88%
10	Chi quản lý hành chính	3.085.874	3.016.124	69.750		3.085.874	102%	100%
11	Chi quốc phòng địa phương	280.374	280.374			280.374	100%	100%
12	Chi an ninh địa phương	135.705	135.705			135.705	100%	100%
13	Chi khác NS	34.047	29.098	1.621	3.328	34.047	117%	100%
14	Chi trả nợ gốc và lãi vay KBNN	407.000	407.000			407.000	100%	100%
<b>III</b>	<b>Bổ sung quỹ DTTC</b>	<b>3.230</b>	<b>3.230</b>			<b>3.230</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>IV</b>	<b>Dự phòng NS</b>	<b>440.597</b>	<b>358.400</b>		<b>82.197</b>	<b>350.532</b>	<b>98%</b>	<b>80%</b>
<b>V</b>	<b>Chi nguồn TW bổ sung vốn SN (giao sau)</b>	<b>420.587</b>	<b>420.587</b>			<b>420.587</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>VI</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>702.319</b>	<b>699.685</b>		<b>2.634</b>	<b>702.319</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>VII</b>	<b>Cải cách tiền lương</b>	<b>1.280.556</b>			<b>1.280.556</b>	<b>546.421</b>		<b>43%</b>